

Số: *17*/2014/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày *19* tháng *8* năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (1+11);
- Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- TT/UBND Tỉnh;
- Các cơ quan, Ban đảng, MTTQ và các Đoàn thể Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Lưu VT + NC/KTN.Ng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dương

QUY ĐỊNH

**Quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với công tác quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan đến bí mật nhà nước được triển khai ở cấp cơ sở không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là các tổ chức nghiên cứu, đào tạo; các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện).

2. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là tổ chức, bộ phận được thủ trưởng cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở giao nhiệm vụ quản lý hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi của đơn vị, ngành hoặc địa phương mình.

3. Đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là tổ chức được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở được tổ chức triển khai bằng hình thức đề tài hoặc dự án. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm một số hoạt động như sau:

- a) Nghiên cứu khoa học;
- b) Cải tiến và phát triển công nghệ;
- c) Khảo nghiệm, thử nghiệm các yếu tố kỹ thuật mới và quy trình mới trong sản xuất nông nghiệp;
- d) Ứng dụng, thử nghiệm các tiến bộ khoa học, công nghệ và quy trình công nghệ mới vào thực tế sản xuất và đời sống;
- đ) Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới tại cơ sở đào tạo, các trung tâm nghiên cứu, cơ sở khám chữa bệnh, nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu và khám, điều trị bệnh trên địa bàn;
- e) Xây dựng mô hình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đời sống;
- g) Các dịch vụ khoa học và công nghệ có liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ, chuyên gia công nghệ; các dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ, tư vấn, tập huấn về khoa học và công nghệ.

5. Đề tài khoa học là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là nghiên cứu về một chủ đề khoa học; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Đề tài khoa học gồm có đề tài khoa học công nghệ khoa học và công nghệ và đề tài khoa học xã hội.

6. Dự án là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp mới, mô hình ứng dụng để nhân rộng, hoàn thiện công nghệ ở quy mô nhỏ.

7. Giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. Báo cáo khoa học là bản báo cáo đánh giá toàn bộ hoặc một phần nội dung nghiên cứu đã kết thúc đối với các đề tài, dự án, căn cứ theo thời gian tiến hành đã đăng ký hoặc được giao.

Điều 3. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Hội đồng tư vấn)

1. Thẩm quyền thành lập và nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn

Hội đồng tư vấn do thủ trưởng cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thành lập hoặc ủy quyền cho đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thành lập để tư vấn cho cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong việc xét duyệt hồ sơ và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Thành phần và cơ cấu Hội đồng tư vấn

- a) Thành phần Hội đồng tư vấn có 05 đến 07 thành viên, bao gồm Chủ

tịch Hội đồng, 02 thành viên phản biện, 01 thành viên làm thư ký khoa học và các thành viên khác;

b) Cơ cấu Hội đồng tư vấn gồm có 2/3 là những người có chuyên môn liên quan đến nội dung nghiên cứu và các cá nhân thuộc tổ chức sản xuất kinh doanh; 1/3 là đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến nội dung nghiên cứu.

3. Thành viên Hội đồng tư vấn

a) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng tư vấn: là người làm công tác chuyên môn, công tác quản lý có trình độ đại học trở lên, có thâm niên công tác ít nhất 05 năm, am hiểu hoặc đã có tham gia những đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Hội đồng đang tư vấn;

b) Thành viên tham gia Hội đồng tư vấn xét duyệt hồ sơ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu đối với cùng một nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng:

- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Cá nhân vi phạm quy định tại Khoản 6, Điều 21 Quy định này.

4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn

a) Làm việc trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét, đánh giá và luận giải cụ thể cho nội dung tư vấn và đánh giá theo các tiêu chí được quy định tại các biểu mẫu;

c) Trước khi đánh giá, chấm điểm, Hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm đối với từng tiêu chí;

d) Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) chỉ có giá trị tham khảo. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình tham gia tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

5. Hoạt động của Hội đồng tư vấn

a) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản;

b) Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm chuẩn bị và tổ chức các phiên họp Hội đồng tư vấn, cử chuyên viên hỗ trợ công việc thư ký hành chính cho Hội đồng. Phiên họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch, đầy đủ thành viên phân biện và thành viên thư ký khoa học. Phiên họp Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng chủ trì;

c) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí hoạt động Hội đồng, chi trả thù lao của các thành viên Hội đồng và chi phí thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập, được chi theo dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

d) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí cho hoạt động của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chi trả.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Yêu cầu chung: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đề xuất theo mẫu và được đưa vào xem xét cho thực hiện căn cứ theo các yêu cầu sau:

a) Giải quyết những vấn đề cấp thiết của đơn vị cơ sở;

b) Có tính tiên tiến, tính khả thi, phục vụ nhu cầu cấp thiết của đơn vị; Kết quả thực hiện sẽ được nhân rộng;

c) Thuyết minh các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải có mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức, phối hợp thực hiện rõ ràng; phương pháp nghiên cứu phù hợp; sản phẩm dự kiến có tiêu chí cụ thể.

2. Yêu cầu đối với đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Phải xuất phát từ yêu cầu giải quyết vấn đề cấp thiết tại địa phương, đơn vị;

b) Tạo ra được sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả;

c) Xây dựng mô hình ứng dụng mới có ý nghĩa thiết thực đối với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để phổ biến, nhân rộng.

3. Yêu cầu đối với đề tài khoa học xã hội cấp cơ sở

Ngoài các yêu cầu tại nêu Điểm a và b, Khoản 2, Điều này; kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học xã hội phải đề ra luận cứ khoa học để cơ quan quản lý có thể sử dụng để ban hành những giải pháp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

4. Yêu cầu đối với dự án cấp cơ sở

a) Những công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được nghiên cứu hoàn thiện xuất phát từ:

- Kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ đã được công nhận hoặc đã được đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng;

- Kết quả khai thác sáng chế; sản phẩm khoa học và công nghệ khác.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ hiện có và có khả năng áp dụng trên địa bàn;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện và có địa chỉ ứng dụng sản phẩm;

d) Sản phẩm của dự án có khả năng áp dụng, nhân rộng và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Điều 5. Yêu cầu đối với đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Đối với đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Là tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao; có đủ điều kiện về nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho việc triển khai, phối hợp nghiên cứu và áp dụng kết quả vào thực tế cuộc sống;

b) Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có thể phối hợp với các tổ chức hoặc cá nhân khác có cơ sở vật chất, nhân lực chuyên môn để thực hiện nội dung nghiên cứu;

c) Tổ chức không được tham gia đăng ký và xét giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khi vi phạm các nội dung tại Khoản 1, Điều 21 Quy định này.

2. Đối với cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Phải có trình độ từ cao đẳng trở lên và có ít nhất 02 năm công tác liên tục có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của đề tài, dự án đăng ký thực hiện; có đủ khả năng triển khai nội dung nghiên cứu và đảm bảo đủ thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được giao;

b) Cá nhân không được xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nếu đến thời điểm xét duyệt hồ sơ vẫn đang chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khác chưa kết thúc;

c) Cá nhân không được giao trực tiếp chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khi vi phạm các quy định tại Khoản 2, Điều 21 Quy định này.

Điều 6. Trách nhiệm xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thủ trưởng cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cấp mình để giao trực tiếp cho đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện trên cơ sở tổng hợp và đề xuất của đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở giao trực tiếp thực hiện phải được xác định cụ thể: tên nhiệm vụ, mục tiêu cần đạt, yêu cầu đối với sản phẩm dự kiến. Riêng đối với dự án cần xác định thêm các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm.

3. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm tập hợp hồ sơ của danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt gửi về Sở Khoa học và Công nghệ vào cuối tháng 10 hàng năm để phục vụ công tác lập kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ cho năm tiếp theo.

Chương III

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 7. Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở gồm:

- Thuyết minh đề tài, dự án theo đề cương tóm tắt đã được phê duyệt;
- Lý lịch khoa học của các cá nhân chính tham gia thực hiện;
- Tóm tắt hoạt động khoa học của đơn vị đăng ký chủ trì;
- Văn bản xác nhận về sự đồng ý tham gia thực hiện của tổ chức phối hợp (nếu có).

Hồ sơ đăng ký tham gia xét duyệt gồm một (01) bản hồ sơ gốc và bảy (07) bản sao bộ hồ sơ gốc, gửi đến đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong thời hạn quy định.

Điều 8. Tổ chức phiên họp Hội đồng xét duyệt hồ sơ giao trực tiếp thực hiện (gọi tắt là Hội đồng xét duyệt hồ sơ)

1. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm chuẩn bị và gửi các tài liệu tới tất cả thành viên Hội đồng tối thiểu 05 ngày trước phiên họp.

2. Tài liệu họp Hội đồng xét duyệt hồ sơ gồm có:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng;
- b) Trích lục danh mục đề tài, dự án đã được phê duyệt;

- c) Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện theo Điều 7 Quy định này;
- d) Mẫu phiếu nhận xét đối với đề tài, dự án;
- đ) Tài liệu liên quan khác.

3. Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi đáp ứng yêu cầu tại Điểm b, Khoản 5, Điều 3 Quy định này.

4. Trình tự làm việc của Hội đồng xét duyệt hồ sơ do Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và hướng dẫn thực hiện.

5. Kết quả làm việc của Hội đồng xét duyệt là biên bản chấm điểm hồ sơ và kết luận thông qua hồ sơ hoặc kiến nghị dừng triển khai do hồ sơ không đạt yêu cầu.

Điều 9. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ giao trực tiếp thực hiện

1. Việc đánh giá hồ sơ giao trực tiếp triển khai được thực hiện bằng phương thức chấm điểm; điểm chấm tối đa mỗi hồ sơ là 100 điểm theo thang điểm của từng nhóm tiêu chí.

2. Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, nguyên tắc, phương thức chấm điểm đối với hồ sơ đăng ký xét chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đối với từng nhóm tiêu chí và thang điểm theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Hoàn thiện hồ sơ và ký hợp đồng triển khai

1. Tổ chức, cá nhân được kiến nghị giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, thuyết minh theo kết luận của Hội đồng và gửi đến đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả giao trực tiếp để tiến hành thẩm định nội dung và kinh phí.

2. Cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thành lập Tổ Thẩm định gồm: đại diện cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Tổ trưởng), đại diện đơn vị quản lý tài chính cấp cơ sở (thành viên) và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu (thành viên) để tiến hành xác định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng xét duyệt hồ sơ để ký hợp đồng thực hiện. Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hỗ trợ từ kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ tỉnh thì việc thẩm định kinh phí sẽ do Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện.

3. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thuyết minh chỉnh sửa theo kiến nghị của Hội đồng có xác nhận của đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Biên bản thẩm định kinh phí, văn bản phê duyệt kinh phí của cơ quan có thẩm quyền là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và cấp kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

4. Hợp đồng nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được ký kết gồm các chủ thể: cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc uỷ quyền cho đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có tư cách pháp nhân với đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm; nội dung của hợp đồng là cơ sở để theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện.

Điều 11. Tổ chức triển khai và giám sát tiến độ thực hiện

1. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm thực hiện các nội dung nghiên cứu đúng theo nội dung hợp đồng đã ký, sử dụng kinh phí đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn về kết quả thực hiện nội dung nghiên cứu và tình hình sử dụng kinh phí.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm báo cáo cho đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo định kỳ về các vấn đề đã được quy định trong hợp đồng nghiên cứu khoa học. Nội dung báo cáo cần ghi rõ khối lượng công việc đã triển khai, đánh giá kết quả sơ bộ đạt được, tình hình sử dụng kinh phí, kế hoạch triển khai giai đoạn tiếp theo.

3. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, đánh giá tiến độ, nội dung công việc thực hiện và việc sử dụng kinh phí theo Hợp đồng nghiên cứu khoa học đã ký. Trong quá trình kiểm tra, nếu thấy cần thiết đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có thể kiến nghị cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở cho phép điều chỉnh nội dung khoa học, tiến độ và phương thức sử dụng kinh phí phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ đó theo thẩm quyền.

4. Khi có thay đổi về nội dung, kinh phí, địa điểm, thời gian triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm phải báo cáo bằng văn bản đến đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, đề có ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản chính thức.

- Việc xem xét gia hạn thời gian thực hiện phải căn cứ vào tình hình thực tế; Thời gian gia hạn tối đa là không quá 03 tháng.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xem xét và thông báo ý kiến trả lời bằng văn bản đến Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đối với việc thay đổi nêu trên.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 12. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu

Việc đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Nội dung của hợp đồng nghiên cứu khoa học (sau đây viết tắt là hợp đồng) đã được ký kết và các nội dung đánh giá được nêu trong Quy định này là căn cứ cho việc đánh giá nghiệm thu sau khi hết thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, trung thực và chính xác.

3. Tiến hành đúng quy trình, thủ tục của Quy định này.

Điều 13. Trình tự đánh giá, nghiệm thu

Trình tự đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở như sau:

1. Tổ chức cuộc họp xem xét kết quả quá trình triển khai và đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Tổ chức đánh giá nghiệm thu thông qua Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (viết tắt là Hội đồng đánh giá nghiệm thu).

Điều 14. Tổ chức xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thủ trưởng đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổ chức cuộc họp xem xét quá trình triển khai và đánh giá sơ bộ kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trước khi nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu.

2. Hồ sơ xem xét gồm các tài liệu:

- Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện do chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập;

- Biên bản kiểm tra định kỳ tình hình thực hiện;

- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

- Các sản phẩm khác của nhiệm vụ nghiên cứu với số lượng và chất lượng theo nội dung của hợp đồng.

3. Việc xem xét và đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải được ghi thành biên bản để đưa vào hồ sơ đánh giá nghiệm thu. Nội dung biên bản phải ghi rõ kết luận về việc đủ điều kiện nộp hồ sơ nghiệm thu hoặc kiến nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để đánh giá nghiệm thu.

Điều 15. Tổ chức đánh giá nghiệm thu

1. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở gồm các tài liệu:

a) Các tài liệu nêu tại Khoản 2, Điều 14 Quy định này;

b) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu của đơn vị chủ trì;

c) Văn bản xác nhận các cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án;

d) Báo cáo giải trình các nội dung đã được bổ sung, hoàn thiện theo kết luận xem xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của thủ trưởng đơn vị chủ trì nêu tại Khoản 3, Điều 14 (nếu có);

đ) Các sản phẩm khác theo đăng ký trong Hợp đồng nghiên cứu khoa học.

2. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá chính thức

a) Chậm nhất là 10 ngày làm việc trước khi kết thúc thời hạn thực hiện ghi trong Hợp đồng nghiên cứu khoa học hoặc văn bản điều chỉnh gia hạn (nếu có), Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm nộp cho đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở 01 bộ bản gốc và 07 bộ bản sao hồ sơ đánh giá nghiệm thu gồm các tài liệu quy định tại Khoản 1, Điều này;

b) Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ, cá nhân chủ nhiệm và đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải bổ sung, hoàn thiện đầy đủ đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều này.

Điều 16. Tổ chức phiên họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu

1. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm chuẩn bị và gửi hồ sơ đánh giá đến tất cả thành viên Hội đồng tối thiểu là 05 ngày trước phiên họp Hội đồng.

2. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quy định này.

3. Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi đáp ứng yêu cầu tại Điểm b, Khoản 5, Điều 3 Quy định này.

Điều 17. Nguyên tắc chấm điểm và xếp loại

Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quy trình, nguyên tắc, phương thức chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá nhiệm vụ cấp cơ sở

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt”, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá nghiệm thu, Chủ nhiệm đề tài, dự án phải hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến, kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu, gửi đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Trường hợp kết quả xếp loại ở mức “Không đạt” nếu trước đó chưa được gia hạn, có thể được xem xét gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện; thời gian gia hạn đối với đề tài khoa học xã hội không quá 30 ngày làm việc, đối với đề tài

khoa học và công nghệ hoặc dự án không quá 03 tháng kể từ ngày có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu theo quy định sau:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được xem xét gia hạn phải được Hội đồng đánh giá nghiệm thu kiến nghị gia hạn; đồng thời đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản họp đánh giá và phương án xử lý) gửi đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xem xét và thông báo ý kiến trả lời bằng văn bản về việc gia hạn;

c) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá nghiệm thu lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Quy định này nhưng chỉ 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Thủ trưởng cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu, xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này;

b) Được gia hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức "Không đạt".

4. Trường hợp kết quả đánh giá việc tổ chức thực hiện ở mức "Không đạt", đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở căn cứ vào mức độ vi phạm đề tham mưu với thủ trưởng cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tiến hành xử lý theo quy định nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 21 Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 19. Đăng ký và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thủ tục và hồ sơ đăng ký kết quả:

Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký kết quả về đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; bao gồm:

a) Phiếu đăng ký kết quả theo mẫu;

b) Bản giấy báo cáo tổng hợp (đóng bìa cứng) kết quả nghiên cứu đã hoàn thiện sau khi được nghiệm thu; Phụ lục số liệu; bản vẽ; bản đồ; ảnh (nếu có);

c) Bản điện tử báo cáo tổng hợp có nội dung như bản giấy phải sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản (phần mở rộng là .doc hoặc .odt) hoặc phần mềm bảng biểu (phần mở rộng là .xls hoặc .ods) hoặc Acrobat (phần mở rộng là pdf) được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu. Đối với phần mềm soạn thảo văn bản và phần mềm bảng biểu phải sử dụng font chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo TCVN 6009:2001.

3. Thẩm quyền công nhận kết quả

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, Thủ trưởng cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xem xét ra quyết định công nhận kết quả nghiên cứu trên cơ sở tổng hợp và đề nghị của đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 20. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cá nhân chủ nhiệm và đơn vị chủ trì thực hiện phải nộp báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Sau khi có quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện việc đánh giá, kiểm kê và bàn giao sản phẩm, tài sản đã mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng nghiên cứu bằng kinh phí nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Việc thanh lý hợp đồng giữa các bên tham gia ký hợp đồng được tiến hành sau khi có kết quả quyết toán và kiểm kê tài sản của đề tài, dự án.

Trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học thực hiện theo quy định cụ thể tại Quyết định ban hành số 2228/QĐ-BKH-CN ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 21. Xử lý vi phạm

1. Đơn vị chủ trì sẽ không được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cấp cơ sở trong các trường hợp sau:

a) Có từ 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã quá hạn đánh giá nghiệm thu từ 02 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý;

b) Trường hợp đặc biệt do thủ trưởng cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Cá nhân sẽ không được xét giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong thời hạn 02 năm tiếp theo kể từ khi đề tài, dự án cấp cơ sở được giao làm chủ nhiệm có kết quả đánh giá chính thức, thuộc các trường hợp sau:

a) Đề tài, dự án xếp loại “Không đạt” và không được Hội đồng đánh giá nghiệm thu kiến nghị cho hoàn thiện để đánh giá nghiệm thu lại;

b) Đề tài, dự án do Hội đồng đánh giá nghiệm thu xếp loại “Không đạt” được kiến nghị đưa vào đánh giá nghiệm thu lần thứ hai mà vẫn không được xếp loại “Đạt”;

c) Đề tài, dự án bị đình chỉ thực hiện do vi phạm nghiêm trọng một trong các điều kiện sau:

- Hồ sơ, tài liệu không trung thực;

- Sao chép kết quả nghiên cứu của người khác;
- Vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện;
- Nộp hồ sơ đánh giá không đúng thời gian đã quy định tại Khoản 2, Điều 15 Quy định này.

3) Trường hợp không thực hiện việc đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sẽ không được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nào khác cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định;

4. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xem xét, đề nghị thủ trưởng cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xử lý về tài chính đối với các đề tài, dự án bị đình chỉ trong quá trình thực hiện hoặc xếp loại “Không đạt” theo quy định tại Điều 11 Chương II Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN, ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước đối với các đề tài, dự án không hoàn thành.

5. Công chức, viên chức của cơ quan chủ quản và đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở vi phạm các quy định về xác định nhiệm vụ; xét chọn giao trực tiếp thực hiện; đánh giá, nghiệm thu sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ Công chức và Luật Viên chức.

6. Thành viên của các Hội đồng tư vấn vi phạm quy định đánh giá thi bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 64/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 6 năm 2013 về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ và không được mời tham gia hội đồng đánh giá trong thời hạn 03 năm kể từ khi có quyết định xử phạt.

7. Trường hợp phát hiện Hội đồng tư vấn vi phạm quy định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý đề tài, dự án có thể yêu cầu Hội đồng sửa đổi, bổ sung, đánh giá lại hoặc thành lập Hội đồng tư vấn mới để bảo đảm công tác tư vấn khoa học và công nghệ được thực hiện khách quan, chính xác, đúng quy định.

Điều 22. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại về các quyết định hành chính, kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn KH&CN; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 23. Quy mô kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Quy mô thực hiện mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không quá 80 triệu đồng (*tám mươi triệu đồng*). Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mức kinh phí từ 80 triệu đồng trở lên thì đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đề xuất để thực hiện ở cấp tỉnh.

Điều 24. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Kinh phí sự nghiệp khoa học cân đối cho cấp huyện hàng năm;
- b) Kinh phí từ ngân sách cấp huyện;
- c) Kinh phí hoạt động của các sở, ngành, các tổ chức khoa học và công nghệ;
- d) Kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- đ) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng kết quả nghiên cứu đặt hàng;
- e) Nguồn hỗ trợ từ kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chịu trách nhiệm phê duyệt và thanh toán kinh phí thực hiện.

Điều 25. Lập và phê duyệt dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Căn cứ để lập dự toán, thẩm định và phê duyệt kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thực hiện theo Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 956/QĐ-UBND.HC ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định mức chi đối với các đề tài, dự án KH&CN có sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước. Trường hợp Thông tư số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN và Quyết định 956/QĐ-UBND.HC không quy định thì áp dụng định mức ngành, lĩnh vực hiện hành.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do sở, ngành tỉnh là cơ quan chủ quản, nhưng đơn vị không có nguồn kinh phí nghiên cứu ứng dụng,

các nội dung chi phục vụ công tác quản lý được bố trí vào dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do sở, ngành tỉnh là cơ quan chủ quản có nguồn kinh phí nghiên cứu ứng dụng, các nội dung chi phục vụ công tác quản lý được hạch toán vào kinh phí nghiên cứu ứng dụng của đơn vị.

4. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cấp cơ sở chủ trì phê duyệt, cấp và thanh toán kinh phí triển khai thực hiện, thủ trưởng đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện theo các nội dung nêu tại Chương II, Chương III và Chương IV của Quy định này, đồng thời báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ vào cuối tháng 5 và cuối tháng 11 hàng năm.

5. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học cấp tỉnh để triển khai thực hiện; Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm xem xét và thẩm định kinh phí thực hiện theo quy trình tại Điều 26 Quy định này. Cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xác định phân kinh phí đối ứng và tạm ứng kinh phí thực hiện theo tiến độ của thuyết minh được duyệt.

Điều 26. Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hàng năm, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm tổng hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thành danh mục nhiệm vụ đề nghị hỗ trợ từ kinh phí cấp tỉnh gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xem xét.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được xem xét hỗ trợ kinh phí khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quy mô kinh phí từ 20 triệu đồng trở lên; nội dung thực hiện đáp ứng yêu cầu giải quyết vấn đề bức xúc của địa phương, đơn vị; phương pháp tổ chức triển khai khả thi; kết quả nghiên cứu sau khi đánh giá phải "Đạt", được ứng dụng vào thực tế sản xuất và đời sống;

b) Có đề nghị bằng văn bản của cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở về việc hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện.

3. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ đến 100% tổng dự toán kinh phí khi được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định đối với trường hợp đơn vị chủ trì là: cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp của tỉnh được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động;

b) Hỗ trợ đến 50% tổng dự toán kinh phí khi được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định đối với trường hợp đơn vị chủ trì là các đơn vị khác;

c) Kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

được xem xét ứng theo tiến độ thực hiện.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh.

5. Ngoài kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh, khuyến khích cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bố trí các nguồn kinh phí do cấp mình quản lý để đối ứng triển khai thực hiện.

6. Trên cơ sở dự toán kinh phí hàng năm, các đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xây dựng kế hoạch kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ vào tháng 10 hàng năm để tổng hợp, xem xét khả năng thực hiện của từng đơn vị và trao đổi thống nhất với Sở Tài chính. Trên cơ sở đó, sẽ phân bổ kinh phí cho việc thực hiện và hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hàng năm.

7. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn quy trình, thủ tục hỗ trợ và ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh theo dự toán hàng năm; đồng thời chịu trách nhiệm xem xét, thẩm định và thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở khi đáp ứng đủ điều kiện nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Hướng dẫn thực hiện

Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nội dung Quy định này; đồng thời, xây dựng, ban hành các biểu mẫu liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai và hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đúng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các ngành các cấp kiến nghị với Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dương